# Bản Thông Tin An Toàn

## * * *Mục 1 - LAI LỊCH* * *

**Định Danh Sản Phẩm:** ELS-120 White

**Mô Tả Sản Phẩm**: ELS120-W-BA / ELS120-W-B2

**Công dụng của sản phẩm**

Mực làm khô bằng tia tử ngoại (UV) dùng cho máy in phun mực

**Các Giới Hạn Sử Dụng**

Chưa biết.

**Thông tin về nhà sản xuất**

Mimaki Engineering Co., Ltd
2182-3 Shigeno-otsu, Tomi-shi, Nagano
389-0512 Japan

Số Điện Thoại: +81-268-64-2413

**Số điện thoại khẩn cấp**

+84 28 4458 2388 (chỉ trong phạm vi Việt Nam)
+65 3158 1074

## * * * Mục 2 - THÀNH PHẦN CẤU TẠO / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN * * *

| No. | thành phần | phần trăm | CAS |
|---|---|---|---|
| 1 | (5-ethyl-1,3-dioxan-5-yl)methyl acrylate | 30-40 | 66492-51-1 |
| 2 | 1-vinylhexahydro-2H-azepin-2-one | 10-20 | 2235-00-9 |
| 3 | titanium dioxide, nanoparticle | 10-20 | 13463-67-7 |
| 4 | 2-(2-ethoxyethoxy)ethyl acrylate | 10-20 | 7328-17-8 |
| 5 | ethyl phenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl)phosphinate | 10-20 | 84434-11-7 |
| 6 | Propylidynetrimethanol, ethoxylated, esters with acrylic acid | 3-5 | 28961-43-5 |
| 7 | phenyl bis(2,4,6-trimethylbenzoyl)-phosphine oxide | 0.3-1 | 162881-26-7 |
| 8 | 2,5-di-tert-butylhydroquinone | ≦0.1 | 88-58-4 |

## * * * Mục 3 – NHẬN DẠNG NGUY CƠ * * *

**Phân Loại theo GHS**

ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng), Loại 5
ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da), Loại 5
GÂY KHÓ CHỊU CHO DA - Loại 2

# Bản Thông Tin An Toàn

KÍCH ỨNG MẮT - Loại 2A
NHẠY DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC LẶP LẠI - Loại 1
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2

## THÀNH PHẦN NHÃN GHS

### (Các) Ký Hiệu

### Từ Cảnh Báo

NGUY HIỂM

### (Các) Tiêu Ngữ Hiểm Họa

**H303+H313** Có thể nguy hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
**H315** Gây kích ứng da.
**H319** Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
**H317** Có thể gây dị ứng da.
**H372** Làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. (gan, đường hô hấp)
**H411** Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

### (Các) Tiêu Ngữ Đề Phòng

### Phòng ngừa

**P260** Không hít bụi/khói/khí/sương/hơi/bụi xịt.
**P264** Tắm rửa cẩn thận sau khi thao tác.
**P270** Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
**P280** Mang găng tay bảo hộ. Mang đồ bảo hộ mắt hoặc mặt.
**P273** Tránh thải ra môi trường.

### Ứng phó

**P302+P352** KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều nước.
**P305+P351+P338** NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa mắt kỹ bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.
**P314** Hãy tìm chăm sóc/tư vấn y tế nếu quý vị cảm thấy không khỏe.
**P333+P313** Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mẩn trên da: Tìm y tế hướng dẫn/chăm sóc.
**P337+P313** Nếukích ứng mắt vẫn còn dai dẳng: Hãy tìm chăm sóc hoặc là tư vấn y tế.
**P362** Cởi quần áo bị nhiễm ra và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
**P391** Thu gom chất tràn đổ.

### Thải bỏ

**P501** Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

### Các Hiểm Họa khác không Dẫn Đến phải Phân Loại

Chưa biết.

# Bản Thông Tin An Toàn

## * * *Mục 4 - Các Biện Pháp Sơ Cứu* * *

### [Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết]

**Tiếp xúc mắt** : Rửa sạch mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước, thỉnh thoảng nhấc mí mắt trên và dưới để rửa. Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc.

**Hít phải** : Chuyển người bị nạn ra nơi thoáng khí và để cho nghỉ ở tư thế dễ thở. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Tìm bác sĩ chăm sóc sau khi tiếp xúc hoặc nếu cảm thấy không được khỏe. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng. Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.

**Tiếp xúc ngoài da** : Rửa bằng nhiều nước và xà phòng. Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay. Tiếp tục súc rửa trong ít nhất 10 phút. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Nếu thấy có than phiền hay triệu chứng, tránh cho phơi nhiễm tiếp. Giặt quần áo trước khi sử dụng lại. Rửa giày thật kỹ trước khi mang lại.

**Nuốt phải** : Rửa sạch khỏi miệng bằng nước. Lấy đi răng giả nếu có. Nếu đã nuốt chất này vô bụng và người bị phơi nhiễm còn tỉnh táo, hãy cho người đó uống chút nước. Hãy ngưng lại nếu người này thấy khó chịu, bởi vì nếu có nôn mửa thì có thể là nguy hiểm. Không được làm cho ói ra nếu chuyên viên y tế không bảo làm như vậy. Nếu có nôn mửa, hạ đầu xuống thấp để chất nôn không vào phổi. Nhờ nhân viên y tế chăm sóc. Nếu cần, gọi cho một trung tâm độc chất hoặc bác sĩ. Không được đút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Nếu bất tỉnh, cho nằm ở vị trí hồi phục và gọi chăm sóc y tế ngay. Duy trì luồng không khí thông thoáng. Nới lỏng các món trang phục bó sát như cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc đai quấn bụng.

### [Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm]

#### [Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn]

**Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

**Hít phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.

**Nuốt phải** : Có hại nếu nuốt phải.

### [Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức]

**Tiếp xúc mắt** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau
chảy nước mắt
bị đỏ

**Hít phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
kích ứng khó chịu
bị đỏ

**Nuốt phải** : Không có thông tin cụ thể gì.

**[Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần]**

**Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.

**Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

**Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

## * * *Mục 5 - Các Biện Pháp Chữa Cháy* * *

**[Phương tiện dập tắt]**

**Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

**Các chất chữa cháy không phù hợp** : Không biết chất nào.

**Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Nếu cháy hay đun nóng, áp suất sẽ tăng và bình chứa có thể nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

**Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thối rữa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
carbon dioxit
carbon monoxit
ôxit nitơ
ôxit photpho
ôxit kim loại

**Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

**Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

## * * *Mục 6 - Các Biện Pháp Xử Lý Rò Rỉ Bất Ngờ* * *

**[Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp]**

**Cho người không phải nhân viên** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm

**cấp cứu** vào chất đã đổ ra. Không hít thở hơi hoặc sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

**Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục "Cho người không phải nhân viên cấp cứu".

**Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

**[Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch]**

**Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.

**Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ.Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thẩm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

## * * *Mục 7 - Thao Tác và Bảo Quản* * *

**[Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn]**

**Biện pháp bảo vệ** : Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhậy cảm. Tránh phơi nhiễm - lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh phơi nhiễm khi có thai. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh thải ra môi trường. Nếu trong lúc sử dụng bình thường mà vật liệu có biểu hiện nguy hiểm đến hệ hô hấp thì chỉ nên dùng khi có đủ sự thoáng khí hoặc mang dụng cụ hô hấp thích hợp. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cặn và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.

**Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát** : Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

**Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ** : Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi

trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

## * * *Mục 8 - KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN* * *

### [Các thông số kiểm soát]

**Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp**

Không.

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Nếu khi sử dụng có phát ra bụi, khói, khí, hơi hoặc sương, hãy dùng những vật dụng che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ cho sự phơi nhiễm của công nhân đối với chất độc trong không khí ở dưới bất kỳ mức giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định.

**Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

### [Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp]

**Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.

**Bảo vệ mắt** : Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng hắt vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn: Kính bảo hộ và/hoặc kính che mặt chống văng bắn hóa chất. Nếu có hiểm họa hít phải, có thể phải sử dụng mặt nạ phòng độc che toàn mặt để thay thế.

### [Bảo vệ da]

**Bảo vệ tay** : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất găng cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.

**Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này.

**Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

**Bảo vệ hô hấp** : Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ dưỡng khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ dưỡng khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh

sử dụng quan trọng khác.

## * * *Mục 9 - TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC* * *

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Trạng Thái Vật Lý:** | chất lỏng | **Màu sắc** | Màu trắng. |
| **Mùi:** | Đặc tính. | **Ngưỡng Phát Hiện Mùi:** | Không có |
| **pH:** | Không có | **Điểm Chảy:** | Không có |
| **Điểm Sôi:** | Không có | **Điểm bùng cháy:** | 105°C (221°F) [Ước tính từ điểm chớp cháy thành phần] |
| **Nhiệt Độ Phân Hủy:** | Không có | **Tốc Độ Bay Hơi:** | Not available |
| **LEL (Giới hạn tiếp xúc dưới):** | Không có | **UEL (Giới hạn tiếp xúc trên):** | Không có |
| **Áp Suất Hơi:** | Không có | **Tỷ Khối Hơi (không khí = 1):** | Không có |
| **Tỷ trọng:** | Không có | **Khối Lượng Riêng (nước = 1):** | 1.2 đến 1.3 |
| **Độ Tan Trong Nước:** | Không có | **log Kow (logarit của hệ số phân tách octanol - nước):** | Not available |
| **Hệ Số Phân Bố Trong Nước/Dầu:** | Không có | **Nhiệt Độ Tự Bốc Cháy:** | Không có |
| **Tính dẻo:** | Sôi động: 19 đến 20 mPa·s<br>Động lực học (nhiệt độ phòng): Không có sẵn. | **Khả năng bay hơi:** | Không có |
| **Tính Chất Oxy Hóa:** | Không có | **Tính Chất Nổ:** | Không có |
| **Khả năng cháy (rắn, khí):** | Không áp dụng | | |

### Thông Tin Về Tính Chất Khác

Không có thông tin thêm.

## * * *Mục 10 - ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG* * *

**Khả năng phản ứng** : Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.

**Tính ổn định** : Sản phẩm ổn định.

**Khả năng gây các phản ứng nguy hại** : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

**Tình trạng cần tránh** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Các vật liệu không tương thích** : Không có thông tin cụ thể gì.

**Sản phẩm phân rã có mối nguy** : Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thối rữa.

# Bản Thông Tin An Toàn

## * * *Mục 11 - Thông Tin Về Độc Tính* * *

### Thông tin về các tác dụng độc

### Kích ứng/Ăn mòn

Không có sẵn.

### Nhạy cảm

Không có sẵn.

| Tên sản phẩm/thành phần | Loại | Cách phơi nhiễm |
|---|---|---|
| (5-ethyl-1,3-dioxan-5-yl)methyl acrylate | Loại 1 | DA |
| 1-vinylhexahydro-2H-azepin-2-one | Loại 1 | DA |
| 2-(2-ethoxyethoxy)ethyl acrylate | Loại 1 | DA |
| ethyl phenyl(2,4,6-trimethylbenzoyl) phosphinate | Loại 1 | DA |
| Propylidynetrimethanol, ethoxylated, esters with acrylic acid | Loại 1 | DA |
| phenyl bis(2,4,6-trimethylbenzoyl)-phosphine oxide | Loại 1 | DA |
| 2,5-di-tert-butylhydroquinone | Loại 1 | DA |

### Tính đột biến

Không có sẵn.

### Tính gây ung thư

**TITAN DIOXYT (13463-67-7)**

**ACGIH:** A4 - Không thể Phân loại là Chất Gây Ung thư cho Người
**IARC:** Chuyên khảo 93 [2010]; Chuyên khảo 47 [1989] ((Nhóm 2B (có thể gây ung thư cho người))
**DFG:** Nho´m 3A (có thể gây ung thư cho người, phần có thể hít trừ những hạt siêu nhỏ)
**OSHA:** hiện hữu

### Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

### Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)

| Tên sản phẩm/thành phần | Loại | Cách phơi nhiễm | Cơ quan có nhắm tới |
|---|---|---|---|
| 2,5-di-tert-butylhydroquinone | Loại 3 | - | Kích ứng đường hô hấp |

### Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)

| Tên sản phẩm/thành phần | Loại | Cách phơi nhiễm | Cơ quan có nhắm tới |
|---|---|---|---|
| 1-vinylhexahydro-2H-azepin-2-one | Loại 1 | - | gan, đường hô hấp |
| 2,5-di-tert-butylhydroquinone | Loại 2 | - | máu |

### Nguy hiểm bị ngạt từ nôn mửa

Không có sẵn.

**Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng xảy ra** : Không có sẵn.

### Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

# Bản Thông Tin An Toàn

**Tiếp xúc mắt** : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

**Hít phải** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tiếp xúc ngoài da** : Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây kích ứng da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.

**Nuốt phải** : Có hại nếu nuốt phải.

**[Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài]**

**Phơi nhiễm ngắn hạn**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Phơi nhiễm lâu dài**

**Các tác dụng tức thời có thể gặp** : Không có sẵn.

**Các tác dụng chậm có thể gặp** : Không có sẵn.

**Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn**

Không có sẵn.

**Tổng quát** : Làm tổn thương các cơ quan qua phơi nhiễm lâu và nhiều lần. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.

**Tính gây ung thư** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Tính đột biến** : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Độc tính sinh sản** : Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh.

**[Các số liệu đo lường độ độc]**

**Các giá trị ước tính độ độc cấp tính**

| Tên sản phẩm/thành phần | Đường miệng (mg/kg) | Ngoài da (mg/kg) | Hít vào |
|---|---|---|---|
| Product | 2015.8 | 2362.7 | N/A |
| (5-ethyl-1,3-dioxan-5-yl)methyl acrylate | 2500 | N/A | N/A |
| 1-vinylhexahydro-2H-azepin-2-one | 1114 | 1700 | N/A |
| 2-(2-ethoxyethoxy)ethyl acrylate | 1106 | 400 | N/A |
| Propylidynetrimethanol, ethoxylated, esters with acrylic acid | 2000.1 | N/A | N/A |

| | | | |
|---|---|---|---|
| phenyl bis(2,4,6-trimethylbenzoyl)-phosphine oxide | 2500 | 2500 | N/A |
| 2,5-di-tert-butylhydroquinone | 1000 | N/A | N/A |

## * * *Mục 12 - Thông Tin Về Sinh Thái* * *

### Độc Tính

Không có sẵn.

### Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

### Khả năng tồn lưu

Không có sẵn.

### Khả năng phân tán qua đất

Không có sẵn.

### Hậu quả xấu khác

Không có sẵn.

## * * *Mục 13 - XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ* * *

### Các phương pháp thải bỏ

Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ tràn, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

## * * *Mục 14 - THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN* * *

### Thông tin về IATA

**Tên Riêng Trong Vận Chuyển:** Chất nguy hại cho môi trường, lỏng, nếu không có chỉ định nào khác. (CHƯA: Cyclic Trimethylolpropane Formal Acrylate)
**Số UN:** UN3082 **Nhóm Hiểm Họa:** 9 **Nhóm Đóng Gói:** III
**(Các) Nhãn Cần Có:** 9
Điều khoản đặc biệt : A197 *1

### Thông tin về ICAO

**Tên vận chuyển:** Chất nguy hại cho môi trường, lỏng, nếu không có chỉ định nào khác. (CHƯA: Cyclic Trimethylolpropane Formal Acrylate)
**Số UN:** UN3082 **Nhóm Hiểm Họa:** 9 **Nhóm Đóng Gói:** III
**(Các) Nhãn Cần Có:** 9

### Thông tin về ADR

# Bản Thông Tin An Toàn

**Tên vận chuyển:** Chất nguy hại cho môi trường, lỏng, nếu không có chỉ định nào khác. (CHƯA: Cyclic Trimethylolpropane Formal Acrylate)
**Số UN:** UN3082 **Nhóm Hiểm Họa:** 9 **Nhóm Đóng Gói:** III
**(Các) Nhãn Cần Có:** 9
Điều khoản đặc biệt : 375 *1

## Thông tin về IMDG

**Tên vận chuyển:** Chất nguy hại cho môi trường, lỏng, nếu không có chỉ định nào khác. (CHƯA: Cyclic Trimethylolpropane Formal Acrylate)
**Số UN:** UN3082 **Nhóm Hiểm Họa:** 9 **Nhóm Đóng Gói:** III
**(Các) Nhãn Cần Có:** 9
Điều khoản đặc biệt : 2.10.2.7 *1

*1 Kiện hàng đơn hoặc đóng gói có khối lượng tịnh nhỏ hơn 5 L (đối với chất lỏng) hoặc 5 Kg (đối với chất rắn) đều không thuộc đối tượng của Quy định về Hàng hóa Nguy hiểm - Tham khảo UN Special Provision (Điều khoản đặc biệt của LHQ).

## * * *Mục 15 - Thông Tin Về Quy Định* * *

Sản phẩm này được đánh giá và quản lý theo các quy định hiện hành của Việt Nam, bao gồm:
Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
Nghị định số 24/2026/NĐ-CP quy định các danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.
Nghị định số 26/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
Thông tư số 01/2026/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2026/NĐ-CP, bao gồm phân loại hóa chất, ghi nhãn hóa chất và Phiếu An toàn hóa chất (SDS).

**Nghị Định số 113/2017 / NĐ-CP - Hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện** : Không áp dụng

**Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp** : Không áp dụng

**Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Hóa chất phải khai báo** : Không áp dụng

**Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Hóa chất cấm** : Không liệt kê

**Nghị Định Số: 113/2017/NĐ-CP - Danh mục hóa chất nguy hiểm phải xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất**

Không có thành phần nào trong hợp chất này được liệt kê.

## * * *Mục 16 - Thông Tin Khác* * *

### Bảng từ viết tắt

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu
HMIS = Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)
IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế

# Bản Thông Tin An Toàn

IBC = Côngtenơ khổ trung
IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế
LogPow = Lôgarít của hệ số phân chia octanol/nước
MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hang hải))
N/A = Không có sẵn
NFPA = Hiệp Hội Bảo Vệ Hỏa Hoạn Quốc Gia (Hoa Kỳ)
SGG = Nhóm Phân tách
UN = Liên hợp quốc

## Tham khảo

DataLink ™
REACH (Regulation (EC) 1907/2006) - Article 119(1). ECHA registered substances
Registry of Toxic Effects of Chemical Substances (RTECS)
U.S. Environmental Protection Agency, AQUIRE (Aquatic toxicity Information Retrieval) ECOTOX Database System
Regulation 1272/2008 Annex VI - Table 3.2 - List of Classification and Labeling of Hazardous Substances

## Thông tin khác

Thông tin cung cấp trong Bản Thông Tin An Toàn này không hàm ý là đầy đủ và chỉ nên xem như là một hướng dẫn. Tuy thông tin và các đề nghị nêu tại đây được tin là chính xác, công ty không có bất kỳ bảo đảm nào về các thông tin và đề nghị đó và từ khước tất cả mọi trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ việc tin cậy vào đó.

Kết thúc Bản Thông Tin 037-U338793